

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/DS-ST

Ngày 23/3/2020.

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Linh**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: **Đỗ Đức Lâm**.

2. Bà: **Hoàng Thị Mỹ Hằng**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Ka Hít** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B , tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B , tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hà**-Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 23 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B , tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ L số 157/2019/TLDS-ST ngày 01/8/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐDS-ST ngày 14/01/2020; quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/QĐDS-ST ngày 25/02/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị L , sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn 05, xã L, huyện P , tỉnh Bình Phước (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trương Tiên V , sinh năm 1943 và bà Lưu Thị M , sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn 06, xã L , huyện B , tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn Q , sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn Đăng Srán, xã N, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng (Có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Phạm Thành L , sinh năm 1993.

- Anh Phạm Thành L , sinh năm 1999.

- Chị Phạm Thị Thu Th , sinh năm 2001.

Cùng trú tại: Thôn 05, xã L, huyện P , tỉnh Bình Phước (Có đơn đề nghị vắng mặt).

4. Người làm chứng:

- Ông Trương Vĩnh V , sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn 6, xã L , huyện B , tỉnh Lâm Đồng (Có mặt).

- Bà Nguyễn Thị H , sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn 4, xã L, huyện P , tỉnh Bình Phước (Có mặt).

- Bà Lê Thị Ph , sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn 8, xã L, huyện P , tỉnh Bình Phước (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện ngày 17/9/2014, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà L trình bày:

Ngày 02/8/2013 âm lịch tức là ngày 06/9/2013 dương lịch vợ chồng ông V , bà M là chú thím ruột của bà L có đến nhà vợ chồng bà L , ông Cường ở huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước hỏi vay tiền. Do không có tiền nên ông Cường (chồng bà L , thời điểm này bà L đang ở ngoài Bắc) đã hỏi mượn của bà Lê Thị Ph 08 tấn cà phê nhân đem bán cho bà Nguyễn Thị H ; tại đây bà H tính giá 40.000đ/kg, thành tiền là 320.000.000đ và trực tiếp đưa số tiền này cho vợ chồng ông V , bà M . Tiếp đó, ngày 05/9/2013 tức là ngày 09/10/2013 dương lịch vợ chồng ông V , bà M đến nhà hỏi mượn thêm 150.000.000đ. Vì là chú cháu ruột nên cả hai lần cho vay tiền đều không lập giấy tờ gì với nhau nhưng vợ chồng ông V , bà M hứa trả toàn bộ số tiền vay vào tháng 12/2013. Quá thời hạn trên cho đến nay ông V , bà M không trả số tiền trên cho vợ chồng bà L , ông Cường.

Bà L cho rằng toàn bộ số tiền cho ông V , bà M mượn là tài sản chung của vợ chồng. Do ông Cường đã chết ngày 18/5/2018 nên bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông V , bà M trả cho bà số tiền nợ gốc của 02 lần mượn là 470.000.000đ, lãi phát sinh 0,9%/tháng tính từ ngày 06/9/2013 cho đến ngày 23/3/2020 (Làm tròn là 6,5 năm) là $470.000.000đ \times 0,9\% \times 78 \text{ tháng} = 329.940.000đ$

Chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện nguyên đơn giao nộp gồm bản gốc giấy cam kết của bà Nguyễn Thị H ghi ngày 02/8/2013, bản photocopy giấy cam kết của bà Lê Thị Ph ghi ngày 02/8/2013, trình bày của bà H , bà Ph và ông V .

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phía bị đơn trình bày:

Vợ chồng ông V , bà M không vay mượn bất kỳ khoản nợ nào của vợ chồng ông Cường, bà L ; toàn bộ trình bày về các lần vay mượn của bà L là không đúng sự thật nên bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L , đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện của bà L .

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh L , anh L và chị Th trình bày: Các anh, chị là con ruột của bà L , ông Cường; số tiền 470.000.000đ do bố mẹ cho vợ chồng ông V , bà M mượn năm 2013 là có và yêu cầu vợ chồng ông V , bà M trả số tiền trên cho bà L .

Người làm chứng bà Nguyễn Thị H trình bày:

Do vụ việc xảy ra đã lâu bà không còn nhớ rõ ngày tháng cụ thể nhưng vào năm 2013 bà H trực tiếp đến nhà bà Ph để cân, chở 08 tấn cà phê nhân do ông Cường gọi bán; cà phê được chở về nhà bà H xong mới tính tiền; giá cà phê là 40.000.000đ/kg, thành tiền là 320.000.000đ; tại thời điểm cân cà phê tại nhà bà Ph và lúc tính tiền tại

nhà bà H chỉ có ông Cường và bà M, không có bà L, ông V. Bà H trực tiếp giao số tiền 320.000.000đ cho bà M và ông Cường.

Người làm chứng ông Trương Vĩnh V trình bày: Trước đây do mâu thuẫn trong việc cha mẹ ông là ông V, bà M không chịu sang tên cho ông thửa đất nông nghiệp tại xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng và bị vợ chồng ông Cường, bà L hứa nếu ông đứng ra làm chứng cho việc bố mẹ ông có vay tiền của ông Cường, bà L thì ông Cường, bà L sẽ cho một số vốn làm ăn. Sau khi bản án sơ thẩm lần đầu buộc bố mẹ ông trả nợ cho vợ chồng ông Cường, bà L thì ông đã suy nghĩ lại và trình bày đúng sự thật là ông không biết gì về các khoản nợ vay mà bà L khởi kiện, thực tế thì bố mẹ ông không vay vợ chồng bà L bất kỳ khoản vay nào.

Tại biên bản xác minh ngày 13/4/2015 và giấy cam kết bản photocopy ghi ngày 02/8/2013 bà Ph trình bày:

Bà có biết việc ông Cường, bà L mượn 08 tấn cà phê của bà bán cho bà H để lấy tiền cho ông V, bà M mượn; bà có nghe bà L nói với bà H là giao tiền bán cà phê này cho vợ chồng ông V, bà M.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L buộc ông V, bà M trả cho bà L 320.000.000đ và lãi phát sinh; bác một phần yêu cầu của bà L đối với số tiền nợ gốc 150.000.000đ và lãi; buộc bà L, ông V, bà M chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- **Về tư cách tố tụng:** Số tiền bà L khởi kiện là tài sản chung của bà với ông Cường. Do ông Cường đã chết năm 2018, bố mẹ ông đã chết trước ông; giữa ông và bà L có 03 người con chung gồm anh Phạm Thành L, anh Phạm Thành L, chị Phạm Thị Thu Th nên Hội đồng xét xử xác định anh L, L và chị Th là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

- **Về tố tụng:** Anh L, anh L và chị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

- **Về nội dung:**

* Xét yêu cầu của bà L đối với số tiền 320.000.000đ:

[01] Trình bày của bà H tại biên bản xác minh ngày 13/4/2015 (bút lục số 37) và giấy cam kết (bút lục số 178) thể hiện bà Ph đem cà phê đến nhà bà bán, lúc đó có vợ chồng ông Cường bà L, vợ chồng ông V bà M; bà H trực tiếp đưa tiền mua cà phê 320.000.000đ cho vợ chồng ông V bà M. Tuy nhiên, tại biên bản ghi lời khai ngày 05/11/2018 và tại phiên tòa hôm nay bà H trình bày bà H là người trực tiếp đến nhà bà Ph để cân 08 tấn cà phê và chở cà phê về nhà bà; lúc cân cà phê cũng như

lúc tính tiền chỉ có ông Cường và bà M ; bà H trực tiếp đưa số tiền mua cà phê cho bà M . Trong khi đó, bà L lại trình bày tại thời điểm mượn cà phê của bà Ph thì bà đang ở ngoài Bắc, việc cân cà phê và đưa tiền bà chỉ nghe ông Cường chồng bà nói lại. Điều này cho thấy trình bày của bà H trước sau mâu thuẫn, lúc thì khai đưa 320.000.000đ cho vợ chồng ông V , bà M ; lúc lại khai đưa cho một mình bà M . Ngoài lời khai này không có ai chứng kiến cũng như không có chứng cứ thể hiện có việc bà H đưa 320.000.000đ cho vợ chồng ông V , bà M hay cho một mình bà M nên không có cơ sở để xem xét có hay không việc vợ chồng bà L có cho vợ chồng ông V , bà M mượn số tiền 320.000.000đ như bà L trình bày.

[02] Trình bày của bà Ph tại biên bản xác minh ngày 13/4/2015 (bút lục số 36) và giấy cam kết bản photocopy ghi ngày 02/8/2013 thể hiện bà Ph có cho vợ chồng ông Cường, bà L mượn 08 tấn cà phê nhân bán cho bà H để lấy tiền cho vợ chồng ông V , bà M mượn; đồng thời bà Ph có nghe bà L nói với bà H là giao tiền bán cà phê cho vợ chồng ông V , bà M . Lời khai của bà Ph chỉ thể hiện nội dung bà Ph có cho vợ chồng bà L mượn 08 tấn cà phê nhân, bà Ph có nghe bà L nói bà H giao tiền bán cà phê cho vợ chồng ông V , bà M nhưng bản thân bà Ph không chứng kiến được việc bà H có giao tiền bán cà phê cho vợ chồng ông V , bà M hay không.

[03] Đối với trình bày của ông Trương Vĩnh V thể hiện ông là con ruột của vợ chồng ông V , bà M ; trước đây ông có đứng ra làm chứng việc bố mẹ ông có mượn tiền vợ chồng bà L nhưng nay ông không thừa nhận, ông không biết gì về việc vay mượn tiền giữa vợ chồng bà L với vợ chồng ông V , bà M nên cũng không có cơ sở để xem xét có hay không việc vợ chồng bà L có cho vợ chồng ông V , bà M mượn số tiền 320.000.000đ như bà L trình bày.

[04] Ngoài những chứng cứ và nhân chứng như trên thì bà L không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Từ những phân tích trên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L đối với số tiền 320.000.000đ.

* Xét yêu cầu của bà L đối với số tiền 150.000.000đ:

[05] Bà L cho rằng vào ngày 05/9/2013 tức là ngày 09/10/2013 dương lịch vợ chồng ông V , bà M đến nhà hỏi mượn thêm 150.000.000đ. Vì là chú cháu ruột nên không lập giấy tờ gì với nhau. Vợ chồng ông V , bà M thì cho rằng không vay khoản nợ và bất kỳ khoản nợ nào đối với vợ chồng bà L . Ngoài lời trình bày của bà L không có tài liệu chứng cứ nào để chứng minh khoản nợ này không có cơ sở để xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L đối với số tiền 150.000.000đ.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L .

[06] Về án phí: Do bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên bà L phải chịu số tiền án phí trên 799.940.000đ bao gồm cả gốc và lãi đã yêu cầu là 20.000.000đ + 4% (399.940.000đ) = 35.997.600đ (Ba mươi lăm triệu chín trăm chín bảy ngàn sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm; trừ đi 5.500.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số

AA/2012/0007443 ngày 12/11/2014. Bà L còn phải nộp 30.497.600đ (Ba mươi triệu bốn trăm chín bảy ngàn sáu trăm đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị L về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” với bị đơn Ông Trương Tiên V , bà Lưu Thị M đối với số tiền 470.000.000đ và lãi phát sinh 329.940.000đ.

2. Về án phí: Buộc bà Trương Thị L phải nộp 35.997.600đ (Ba mươi lăm triệu chín trăm chín bảy ngàn sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm; trừ đi 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2012/0007443 ngày 12/11/2014. Bà L còn phải nộp 30.497.600đ (Ba mươi triệu bốn trăm chín bảy ngàn sáu trăm đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Bà L , ông V , bà M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 23/3/2020; anh L , anh L , chị Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng ⁽²⁾
- VKS huyện B ;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- CC.THADS huyện B ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Linh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Đức Lâm

Hoàng Thị Mỹ Hằng

Nguyễn Văn Linh